

THÔNG BÁO

KẾ HOẠCH HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2020-2021

Kính gửi - Các khoa, bộ môn

- Sinh viên hệ đại học và cao đẳng chính qui trong toàn trường

Phòng quản lý đào tạo thông báo kế hoạch học kì I – năm học 2020-2021 như sau:

1. Công tác chuẩn bị

Trước 10/08/2020: Phòng quản lý đào tạo công khai thời khóa biểu (cập nhật lần 1) trên trang web <http://www.hmtu.edu.vn/Desktop.aspx/Chi-tiet/Lich-hoc-Lich-thi/>. Sinh viên tìm hiểu các môn học của học kì kế tiếp trong sổ tay sinh viên, tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lên kế hoạch đăng kí học phần.

2. Kế hoạch đăng kí học phần

2.1 Từ 10-12/08/2020: đăng kí học phần lần I trực tuyến trên cổng đăng kí.

2.2 Ngày 13/08/2020: công bố thời khóa biểu (cập nhật lần 2) trên web <http://www.hmtu.edu.vn/Desktop.aspx/Chi-tiet/Lich-hoc-Lich-thi/>, trong đó thông báo các lớp bị hủy do ít sinh viên đăng kí và mở thêm do nhu cầu đăng kí nhiều.

2.3 Từ 14-17/08/2020: đăng kí học phần lần II trực tuyến trên cổng đăng kí. Sinh viên học lại, học cải thiện không đăng kí được trên hệ thống trực tiếp đăng kí tại phòng quản lý đào tạo 103, mang theo phiếu đã thu tiền có xác nhận của phòng tài chính kế toán.

2.4 Ngày 17/08/2020: Phòng quản lý đào tạo công bố thời khóa biểu (cập nhật lần 3) trên web <http://www.hmtu.edu.vn/Desktop.aspx/Chi-tiet/Lich-hoc-Lich-thi/>, trong đó thông báo các lớp được mở của học kì.

2.5 Từ 18-20/08/2020: Cố vấn học tập duyệt đăng kí tín chỉ cho sinh viên trên phần mềm Sinh viên đăng kí bổ sung thêm tại phòng quản lý đào tạo 103 trong các trường hợp:

- Lớp học đã đăng kí ở đợt 2 bị hủy
- Điểm các môn tiên quyết, song hành ở học kì 2 lên sau đợt đăng kí
- Sinh viên có quyền rút bớt học phần đã đăng kí

* Những trường hợp này Cố vấn học tập thống kê theo lớp bằng văn bản và trực tiếp điều chỉnh cho sinh viên tại phòng quản lý đào tạo 103

2.7 Ngày 21/08/2020

- Phòng quản lý đào tạo công bố thời khóa biểu (chính thức) trên web <http://hmtu.edu.vn/Desktop.aspx/Cac-hoat-dong-khac/Thong-bao/>

2.8 Ngày 21/09/2020

- Cổ vấn học tập trực tiếp nộp bản in đăng kí tín chỉ của các sinh viên tại phòng quản lý đào tạo 104.

Yêu cầu

- + Đủ sĩ số lớp và sắp xếp theo số thứ tự mã sinh viên từ nhỏ tới lớn
- + Mỗi bản in có đủ chữ kí của Cổ vấn học tập và sinh viên
- + Cổ vấn kí xác nhận
- + Đóng gói: trong túi bìa xi- măng, bên ngoài ghi rõ tên lớp, sĩ số, tên cổ vấn.

** Chú ý: phòng quản lý đào tạo chỉ nhận khi bản in được đóng gói đúng qui cách và đúng thời gian.*

Đề nghị các đơn vị, cá nhân có liên quan phối hợp thực hiện để việc đăng kí trực tuyến đúng tiến độ và đạt kết quả tốt.

3. Nộp học phí- theo qui định của phòng tài chính- kế toán

THỜI GIAN BIỂU HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021

10-12/08/2020	Đăng kí tín chỉ (đợt 1)
14-17/08/2020	Đăng kí tín chỉ (đợt 2) : SV điều chỉnh đăng kí dưới sự tư vấn của CVHT
18-20/08/2020	Cố vấn học tập duyệt đăng kí tín chỉ cho sinh viên trên phần mềm và Đăng ký mượn cho những sinh viên muốn đăng ký học đổi sang học phần khác khi lớp đăng kí đợt 2 bị hủy hoặc Rút bớt học phần đăng kí với những sinh viên cần thiết tại phòng quản lí đào tạo 104
31/08/2020	Buổi học đầu tiên của học kì
21/09/2020	Cố vấn học tập nộp bản in phiếu đăng kí tín chỉ (có xác nhận của CVHT) theo lớp về phòng quản lí đào tạo 103
20/11/2020 (Thứ 6)	Ngày nhà giáo Việt Nam
13/12/2020	Ngày học cuối cùng của học kỳ
14-20/12/2020	Tuần học đệm
1/1/2021	Nghỉ tết Dương lịch (Thứ Sáu)
21/12/2020-10/01/2021	Thi kết thúc học kỳ

CÁC MÔN ĐĂNG KÍ LỚP ĐỘC LẬP
CÁC MÔN HỌC CỦA BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

1. Học phần Tiếng Anh 1 (ENG1001- 4 tín chỉ)

STT	Tên lớp	Số TC	SS	Thứ	Tiết	Phòng học	Giảng viên
1.	01ENG1001	4	40	2	1-4	303	ThS Đặng Thị Thanh Hương
2.	02ENG1001	4	40	3	1-4	303	ThS Khúc Kim Lan
3.	04ENG1001	4	40	6	5-8	303	ThS Vũ Thị Hồng Lý
4.	05ENG1001	4	40	6	5-8	305	ThS Phạm Thị Xuyên

2. Học phần Tiếng Anh 2 (ENG1002- 4 tín chỉ)

STT	Tên lớp	Số TC	SS	Thứ	Tiết	Phòng học	Giảng viên
1.	01ENG1002	4	40	2	1-4	305	ThS Phạm Thị Xuyên
2.	02ENG1002	4	40	3	1-4	305	ThS Đỗ Phương Nguyên
3.	03ENG1002	4	40	4	1-4	305	ThS Nguyễn Thanh Thủy
4.	06ENG1002	4	40	3	5-8	311	ThS Bùi Quang Thuần
5.	07ENG1002	4	40	6	5-8	311	ThS Trần Tuấn Phương
6.	08ENG1002	4	40	7	1-4	311	ThS Vũ Thị Hồng Lý
7.	09ENG1002	4	40	2	5-8	311	ThS Trần Tuấn Phương

3. Học phần Tiếng Anh 3 (ENG1003- 4 tín chỉ)

STT	Tên lớp	Số TC	SS	Thứ	Tiết	Phòng học	Giảng viên
1.	01 ENG1003	4	40	2	5-8	303	ThS Vũ Thị Hồng Lý
2.	02 ENG1003	4	40	4	5-8	303	ThS Nguyễn Thanh Thủy
3.	03 ENG1003	4	40	4	5-8	305	ThS Bùi Quang Thuần
4.	04 ENG1003	4	40	6	5-8	308	ThS Phạm Thị Xuyên

5. Học phần Tiếng Anh 4 (ENG1004- 4 tín chỉ)

STT	Tên lớp	Số TC	SS	Thứ	Tiết	Phòng học	Giảng viên
1.	01 ENG1004	4	40	2	5-8	305	ThS Diễm Thị Hảo Tâm
2.	03 ENG1004	4	40	6	5-8	310	ThS Bùi Quang Thuần
3.	04 ENG1004	4	40	5	5-8	303	ThS Trần Tuấn Phương
4.	05 ENG1004	4	40	7	1-4	303	ThS Nguyễn Thị Thanh Loan

CÁC MÔN CỦA BỘ MÔN CHÍNH TRI- GDQP

Tư tưởng Hồ Chí Minh (POL 2001- 2 tín chỉ)

STT	Tên lớp	Số TC	SS	Thứ	Tiết	Giảng viên	Giảng đường
1.	01POL 2001	2	140	3	9-10	ThS Nguyễn Hải Trung	306

Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (POL 3001- 3 tín chỉ)

STT	Tên lớp	Số TC	SS	Thứ	Tiết	Phòng học	Giảng viên
1.	01POL 3001	2	105	3	9-11	307	ThS Nguyễn Thị Nhung
2.	02POL 3001	2	105	4	9-11	307	ThS Phạm Thị Thanh Thủy
3.	03POL 3001	2	52	5	9-11	307	ThS Phạm Thị Thanh Thủy

Giáo dục thể chất tự chọn – cầu lông - đại học (GDTC 2004)

STT	Tên lớp	Số TC	SS	Thứ	Tiết	Phòng học	Giảng viên
1.	01 GDTC 2004	2	65	2	9-12	Sân trường khu B	Trần Ngọc Anh
2.	02 GDTC 2004	2	65	4	9-12	Sân trường khu B	Trần Ngọc Anh
3.	03 GDTC 2004	2	65	5	9-12	Sân trường khu B	Trần Ngọc Anh
4.	04 GDTC 2004	2	65	3	9-12	Sân trường khu B	Trần Ngọc Anh

Kinh tế chính trị (POL 1006- 2 tín chỉ) (SV nha, gây mê, sản, hình ảnh, vật lý khóa 12)

STT	Tên lớp	Số TC	SS	Thứ	Tiết	Giảng viên	Giảng đường
1.	01 POL 1006	2	50	4	9-11	TS Lê Thúy Hường	306
2.	02 POL 1006	2	50	4	9-11	TS Phạm Thị Thắm	308
3.	03 POL 1006	2	50	3	1-4	TS Lê Thúy Hường	307

CÁC MÔN CỦA BỘ MÔN KHOA HỌC CƠ BẢN

Môn Xác suất thống kê (MATH2003-3 tín chỉ)

Phân lý thuyết- tuần 1-10

Stt	Tên lớp	Số TC	Sĩ số	Thứ	Tiết	Giảng viên	Giảng đường
1.	Lớp 1	2	70	7	5-7	ThS. Phạm Thị Thùy Như	306

Phần thực hành- học tuần 11-15

Stt	Tên lớp	Số TC	Sĩ số	Thứ	Tiết	Giảng viên	Giảng đường
1.	Tổ 1.1	1	35	7	1-8	ThS. Phạm Thị Thùy Như	4-KTX
2.	Tổ 2.1	1	35	7	1-8	ThS. Trương Thị Thu Hương	5-KTX

KHỐI SINH VIÊN NĂM THỨ 2
KHOA ĐIỀU DƯỠNG

Lớp: 01ĐH19ĐĐ – sĩ số 120

Phân lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
Kinh tế chính trị	POOL1006	ThS Lê Thị Thanh Trà	2	4	2	Tiết 1-4 Tuần 1-8	307
Điều dưỡng Nội 1	NUR2226	ThS. Phạm Thị Hạnh ThS. Đặng Thị Thanh Hòa	2	4	3	Tiết 5-8 Tuần lẻ	307
Điều dưỡng Ngoại 1	NUR2230	TS. Đỗ Thị Thu Hiền TS Phạm Xuân Thành	2	4	3	Tiết 5-8 Tuần chẵn	307
Sức khỏe- NCSK	SOC2131	ThS Nguyễn Thị Nga (YTCC)	3 (2,1)	4	4	Tiết 5-8	307

Phân thực hành

Tên HP (Mã HP)	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
Điều dưỡng cơ bản 2 NUR1116	ThS. Phạm T Thanh Phương-tổ 1 ThS. Đoàn Thị Phụng- tổ 2 ThS. Đào Thị Phụng- tổ 3 ThS. Phạm Thị Hạnh- tổ 4 ThS. Nguyễn Thị Huệ tổ 5 CN. Nguyễn Thị Hoa- tổ 6 CN. Nguyễn Xuân Hùng- tổ 7	4	8	3,4 Tuần 1-8	1	Tiết 1-4	Trung tâm huấn luyện kỹ năng tiền lâm sàng
					2	Tiết 1-4	
					3	Tiết 1-4	
					4	Tiết 1-4	
					5	Tiết 1-4	
					6	Tiết 1-4	
					7	Tiết 1-4	
					8	Tiết 1-4	
				5	1	Tiết 5-8	
					2	Tiết 5-8	
					3	Tiết 5-8	
					4	Tiết 5-8	
					5	Tiết 5-8	
					6	Tiết 5-8	
					7	Tiết 5-8	
					8	Tiết 5-8	
Thực hành	ThS. Phạm T Thanh Phương-tổ 1		4	6	1	Tiết 5-8	Trung

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

tiền lâm sàng Điều dưỡng Nội 1	ThS. Đoàn Thị Phượng- tổ 2 ThS. Đào Thị Phượng- tổ 3 ThS. Phạm Thị Hạnh- tổ 4 ThS. Nguyễn Thị Huệ tổ 5 CN. Nguyễn Thị Hoa- tổ 6 CN. Nguyễn Xuân Hùng- tổ 7	1			2	Tiết 5-8	tâm huấn luyện kỹ năng tiền lâm sàng
					3	Tiết 5-8	
					4	Tiết 5-8	
					5	Tiết 5-8	
					6	Tiết 5-8	
					7	Tiết 5-8	
					8	Tiết 5-8	
					Học tuần chẵn		
Thực hành tiền lâm sàng Điều dưỡng Ngoại 1	ThS. Phạm T Thanh Phương-tổ 1 ThS. Đoàn Thị Phượng- tổ 2 ThS. Đào Thị Phượng- tổ 3 ThS. Phạm Thị Hạnh- tổ 4 ThS. Nguyễn Thị Huệ tổ 5 CN. Nguyễn Thị Hoa- tổ 6 CN. Nguyễn Xuân Hùng- tổ 7	1	4	6	1	Tiết 5-8	Trung tâm huấn luyện kỹ năng tiền lâm sàng
					2	Tiết 5-8	
					3	Tiết 5-8	
					4	Tiết 5-8	
					5	Tiết 5-8	
					6	Tiết 5-8	
					7	Tiết 5-8	
					8	Tiết 5-8	
Học tuần lẻ							

Phân lâm sàng- tuần 10-19

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
Lâm sàng Điều dưỡng Nội 1	NUR2227	ThS Đoàn Thị Phụng	2	20	T2-t6	Tiết 1-4	Bệnh viện đa khoa tỉnh, BV 7
Lâm sàng Điều dưỡng Ngoại 1	NUR2233	ThS Đoàn Thị Phụng	2	20	T2-t6	Tiết 1-4	Bệnh viện đa khoa tỉnh, BV 7

Lớp: 01ĐH19NHA- sĩ số 22

Phân lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
Nha cơ sở	DEL2101	Ths Đào Thị Phương Dung	2	4	2	Tiết 1-4 (tuần 1-8)	305
ĐDNL nội –ngoại 1	NUR3206	ThS Vũ Công Danh TS. Phạm Xuân Thành	3	4	5	Tiết 5-8 (tuần 1-8)	306

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

					4	Tiết 1-4 (tuần 1-4)	306
SK NCSK	SOC2131	ThS Nguyễn Thị Nga (YTCC)	3(2,1)	4	5	Tiết 1-4	306

Phần thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
Điều dưỡng cơ bản 2 NUR1116		4	4	2,4	1,2	Tiết 5-8	TT KNTLS
TH Nha cơ sở	Ths Nguyễn T. Chinh ThS Hà Thị Chinh	2	4	3	1,2	Tiết 5-8	PTH- Nha
ĐDNL nội –ngoại 1		1	4	5	1,2	Tiết 5-8 Tuần 9-15	PTH
Đánh giá thể chất NUR1119		2	4	6	1,2	Tiết 5-8	PTH

Phần Lâm sàng- tuần 11-20

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
THLS ĐDNL nội – ngoại 1	NUR2307		3	20	Sáng T2 → T6	Bệnh viện

BỘ MÔN GÂY MÊ HỒI SỨC

Lớp: 01ĐH19GM - ss 44

Phần lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
GPSL GMHS	NAE2105	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	1	4	3	Tiết 5-8 Tuần 1-4	307

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

ĐDNL nội –ngoại 1	NUR3206	ThS Vũ Công Danh TS. Phạm Xuân Thành	3	4	5	Tiết 5-8 (tuần 1-8)	306
					4	Tiết 1-4 (tuần 1-4)	306
SK NCSK	SOC2131	ThS Nguyễn Thị Nga (YTCC)	3(2,1)	4	5	Tiết 1-4	306

Phần thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
Điều dưỡng cơ bản 2 NUR1116		4	4	2,4	1	Tiết 5-8	TT Huấn luyện KN tiền LS
					2	Tiết 5-8	
					3	Tiết 5-8	
ĐDNL nội –ngoại 1		1	4	5 Tuần 9-15	1	Tiết 5-8	PTH
					2	Tiết 5-8	
					3	Tiết 5-8	
Đánh giá thể chất NUR1119		2	4	6	1	Tiết 5-8	PTH
					2	Tiết 5-8	
					3	Tiết 5-8	

Phần Lâm sàng- tuần 11-20

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
THLS ĐDNL nội – ngoại 1	NUR230 7		3	20	Sáng T2 → T6	Bệnh viện

BỘ MÔN SẢN

Lớp: 01ĐH19SPK - ss 15

Phần lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
ĐDNL nội –ngoại 1	NUR3206	ThS Vũ Công Danh TS. Phạm Xuân Thành	3	4	5	Tiết 5-8 (tuần 1-8)	306
					4	Tiết 1-4	306

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

						(tuần 1-4)	
SK NCSK	SOC2131	ThS Nguyễn Thị Nga (YTCC)	3(2,1)	4	5	Tiết 1-4	306
GPSL Liên quan thai nghén	NMW2101	ThS Nguyễn Thị Hằng	1	4	3	Tiết 5-8 Tuần 1-4	305

Phần thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
Điều dưỡng cơ bản 2 NUR1116		4	4	2,4	1	Tiết 5-8	TT HL KNTLS
ĐDNL nội –ngoại 1		1	4	5	1	Tiết 5-8 Tuần 9-15	PTH
Đánh giá thể chất NUR1119		2	4	6	1	Tiết 5-8	PTH

Phần Lâm sàng- tuần 11-20

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
THLS ĐDNL nội – ngoại 1	NUR2307		3	20	Sáng T2 → T6	

KHOA XÉT NGHIỆM

Lớp: 01, 02 ĐH19XN – SS 146

Phần lý thuyết- lớp 1

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
Hóa sinh 1	MLT2203	ThS Ngụy Đình Hoàn	2	2	4	Tiết 1-2	309

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Huyết học 1	MLT2201	ThS Nguyễn T.Huyền	2	2	4	Tiết 3-4	309
Vi sinh 1	MLT2205	ThS Ng. Nhung B	1	2	5	Tiết 5-6 (tuần 1-8)	309
Kí sinh trùng 1	MLT2207	ThS Nguyễn Th. Hải	1	2	5	Tiết 7-8 (tuần 1-8)	309
Dược cơ sở	CHEM 1101	ThS Nguyễn Thị Tuyết	2	2	5	Tiết 5-8 Tuần 9-15	309
Sinh lí bệnh- MD	BIOL1103	BS. Bùi Thị Nga	2	4	7	Tiết 1-8 (tuần 12-15)	309
Kinh tế chính trị- 2 LỚP	POOL1006	TS Lê Thúy Hương TS Phạm Thị Thắm	2	3	2	Tiết 9-11 Tuần 1-10	308 310

Phản lý thuyết- lớp 2

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
Hóa sinh 1	MLT2203	ThS Ngụy Đình Hoàn	2	2	4	Tiết 3-4	312
Huyết học 1	MLT2201	ThS Nguyễn T.Huyền	2	2	4	Tiết 1-2	312
Vi sinh 1	MLT2205	ThS Ng. Nhung B	1	2	5	Tiết 7-8 (tuần 1-8)	312
Kí sinh trùng 1	MLT2207	ThS Nguyễn Th. Hải	1	2	5	Tiết 5-6 (tuần 1-8)	312
Dược cơ sở	CHEM 1101	ThS Nguyễn Thị Tuyết	2	2	5	Tiết 5-8 Tuần 9-15	309
Sinh lí bệnh- MD	BIOL1103	BS. Bùi Thị Nga	2	4	7	Tiết 1-4 (tuần 9-15)	309
Kinh tế chính trị- 2 LỚP	POOL1006	TS Lê Thúy Hương TS Phạm Thị Thắm	2	3	2	Tiết 9-11 Tuần 1-10	308 310

Phản thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
TH – Vi sinh 1	Phùng Thị Khánh Thảo (tổ 1,3,5,9) Hoàng Thị Hằng (tổ 2,4,6,8) Nguyễn T Hồng NhungB (tổ 7,10)	2	4	2	3,4	Tiết 5-8	THVS1- XN
				2	5,6	Tiết 1-4	THVS2-XN
				3	7,8	Tiết 5-8	THVS1- XN
				6	9,10	Tiết 1-4	THVS2-XN
				6	1,2	Tiết 5-8	THVS1- XN
TH- Kí	Nguyễn Thị Hồng	2	4	2	5,6	Tiết 5-8	THKST1- XN

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

sinh trùng 1	NhungaA (tổ 2,4,6,10) Nguyễn Thị Thanh Hải (tổ 1,3,5,9) Phùng Thị Luyện (tổ 2,8)			3	1,2	Tiết 1-4	THKST2-XN
				3	3,4	Tiết 5-8	THKST1- XN
				4	7,8	Tiết 5-8	THKST2-XN
				5	9,10	Tiết 1-4	THKST1- XN
TH – Huyết học 1	Phạm Minh Tuệ (tổ 1,3,7,9) Nguyễn Thị Huyền (tổ 4,6,8,10) Nguyễn Thị Hồng Quyên (tổ 2,5)	3	4	2	3,4	Tiết 1-4	THHH1- XN
				2	7,8	Tiết 5-8	THHH2-XN
				3	9,10	Tiết 1-4	THHH1- XN
				3	1,2	Tiết 5-8	THHH2-XN
				5	5,6	Tiết 1-4	THHH1- XN
TH – Huyết học 1		3	4	4	5,6	Tiết 5-8	THHH2-XN
					Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13,15		
				4	3,4	Tiết 5-8	THHH3-XN
					Học các tuần 2,4,6,8,10,12,14,15		
				6	7,8	Tiết 1-4	THHH1- XN
					9,10	Tiết 5-8	THHH1- XN
				Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13,15			
				6	1,2	Tiết 1-4	THHH2-XN
				Học các tuần 2,4,6,8,10,12,14,15			
TH hóa sinh 1	Phạm Thị Thủy- tổ 1,3,5,7,9 ThS NGuy Đình Hoàn- tổ 2,4,6,8,10	1	4	4	5,6	Tiết 5-8	THHS1- XN
				Học các tuần 2,4,6,8,10,12,14,15			
				4	3,4	Tiết 5-8	THHS3-XN
				Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13,15			
				6	7,8	Tiết 1-4	THHS1- XN
					9,10	Tiết 5-8	THHS1- XN
				Học các tuần 2,4,6,8,10,12,14,15			
				6	1,2	Tiết 1-4	THHS2-XN
				Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13,15			

KHOA KỸ THUẬT HÌNH ẢNH

Lớp: 01ĐH19KTHA – SS 116

Phản lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
XQXK1	RAD2201	PGS. Trần Văn Việt	2	2	2	Tiết 5-6	309

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

KTBT- BTM	RAD1104	PGS. Trần Văn Việt	1	2	2	Tiết 7-8 Tuần 1-8	309
VLPPTA	RAD1103	BS Chu Văn Đăng	2	2	3	9-10	309
TCYT- CTYTQG	SOC2105	ThS Nguyễn Huy Hoàng	2	4	4	Tiết 1-2	209
Dược cơ sở	CHEM1101	ThS Đỗ Thị Kim Oanh	2	2	4	Tiết 3-4	209
Giải phẫu bệnh	RAD1101	ThS Phạm Minh Sơn	1	2	4	Tiết 7-8 Tuần 1-8	309
Sinh lí bệnh- MD	BIOL1103	ThS. Vương Thị Duyên	2	4	4	Tiết 5-8 Tuần 9-15	401

Phần thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
TH – Giải phẫu bệnh	ThS Phùng Thế Khang- tổ 1,3,5 CN Nguyễn Khắc Tú- tổ 2,4,6	1	4	5	1,2	Tiết 5-8	THGPB - YHCS
					Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13,15		
					3,4	Tiết 5-8	THGPB - YHCS
					Học các tuần 2,4,6,8,10,12,14,15		
				6	5,6	Tiết 1-4	THGPB - YHCS
					Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13,15		
TH – Kỹ thuật bảo trì- buồng tối máy	CN. Nguyễn-1-6 Ths. Thiên-2-5 Ths.T Anh-3 Ths. Niên-4	1	4	2	1	Tiết 1-4	TH1 – XQ
					2	Tiết 1-4	TH2 – XQ
					3	Tiết 1-4	TH3 – XQ
					4	Tiết 1-4	TH4 – XQ
				5	5	Tiết 1-4	TH3 – XQ
					6	Tiết 1-4	TH4 – XQ
					Học từ 1→8		
TH – XQXK1	CN. Nguyễn-1, 6 Ths. Thiên-2 Ths.T Anh-3 Ths. Niên-4-5	2	4	6	1	Tiết 1-4	TH1 – XQ
					2	Tiết 1-4	TH2 – XQ
					3	Tiết 1-4	TH3 – XQ
					4	Tiết 1-4	TH4 – XQ
				5	5	Tiết 5-8	TH3 – XQ
					6	Tiết 5-8	TH4 – XQ

KHOA VLTL/PHCN

Lớp: 01ĐH19PHCN –ss55 - Phần lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/w	Thứ	Thời gian	Phòng học
--------	--------	------------	-------	--------	-----	-----------	-----------

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

PTVLTL	PT2102	ThS. Nguyễn Thu Trang	1	2	3	Tiết 5-6 Tuần 1-8	310
XBTL	PT2104	ThS. Nguyễn Thu Trang	1	2	3	Tiết 7-8 Tuần 1-8	310
QT phát triển CN	PT3207	TS. Đinh Thị Hoa	2	4	3	Tiết 5-8 Tuần 9-15	310
Dược CS	CHEM 1101	ThS Đỗ Thị Kim Oanh	2	2	4	Tiết 1-2	310
VĐTL 1	PT2103	ThS. Lê Thị Hà	1	2	5	Tiết 1-2 Tuần 1-8	310
LGCN	PT2101	ThS. Lê Thị Hà	1	2	5	Tiết 3-4 Tuần 1-8	310

Phân thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	t/w	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
TH- LGCN	CN. Nguyễn Thu Tươi	2	4	4,6 Tuần 1-8	1	Tiết 5-8	TH1- PHCN
	ThS Đặng Thị Hằng				2	Tiết 5-8	TH2- PHCN
	BS. Nguyễn Thu Trang				3	Tiết 5-8	TH3- PHCN
TH- XBTL	ThS Đặng Thị Hằng	2	4	6	1	Tiết 1-4	TH1- PHCN
	CN. Phạm Thủy				2	Tiết 1-4	TH2- PHCN
	Ths. Nguyễn Minh Ngọc				3	Tiết 1-4	TH3- PHCN
TH-PTVLTL	CN. Nguyễn Thu Tươi	2	4	2 Tuần 1-8	1	Tiết 5-8	TH1- PHCN
	Ths. Nguyễn Minh Ngọc				2	Tiết 5-8	TH2- PHCN
	BS. Nguyễn Thu Trang ThS Đặng Thị Hằng				3	Tiết 5-8	TH3- PHCN
	CN. Nguyễn Thu Tươi			7 Tuần lẻ	1	Tiết 1-4	TH1- PHCN
	Ths. Nguyễn Minh Ngọc				2	Tiết 1-4	TH2- PHCN
	BS. Nguyễn Thu Trang ThS Đặng Thị Hằng				3	Tiết 1-4	TH3- PHCN
TH- VĐTL	CN. Lê Kim Phượng	2	4	5 Tuần 1-8	1	Tiết 5-8	TH1- PHCN
	CN. Phạm Thủy				2	Tiết 5-8	TH2- PHCN
	Ths. Nguyễn Minh Ngọc				3	Tiết 5-8	TH3- PHCN
	CN. Lê Kim Phượng			7 Tuần chẵn	1	Tiết 1-4	TH1- PHCN
	CN. Phạm Thủy				2	Tiết 1-4	TH2- PHCN

	Ths. Nguyễn Minh Ngọc				3	Tiết 1-4	TH3- PHCN
--	-----------------------	--	--	--	---	----------	-----------

KHỐI SINH VIÊN NĂM THỨ 3
KHOA ĐIỀU DƯỠNG

Lớp 01ĐH18Đ.D- SS 113

Phân lý thuyết

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
PPNCKH 2	NUR3206	TS Lê Văn Thêm	2	4	2	Tiết 5-8 Tuần 1-8	401
CSSK cao tuổi- TT	NUR3201	ThS Bùi Thị Loan ThS Phạm Thị Hạnh	2	4	2	Tiết 5-8 Tuần 9-15	401
CSSK trẻ SS	NUR4305	ThS Đào Thị Phượng (Đ.D)	1	2	6	Tiết 7-8 Tuần 1-8	401

Phần thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
TH – CSSK trẻ SS	ThS Đào Thị Phượng	1	4	5	1	Tiết 5-8	Phòng thực hành
	ThS. Nguyễn Thị Nga			Tuần chẵn	2	Tiết 5-8	
	ThS Đào Thị Phượng			3	3	Tiết 5-8	
	ThS. Nguyễn Thị Nga			Tuần chẵn	4	Tiết 5-8	
	ThS Đào Thị Phượng			3	5	Tiết 5-8	
	ThS. Nguyễn Thị Nga			tuần lẻ	6	Tiết 5-8	

Phần Lâm sàng

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
LS Nội -ngoại 2	NUR3301	ThS. Đào Thị Phượng	4	20	Sáng T2 → T6	BV Đa khoa HD, BV trường ĐHKTYTHD
LS CSTC	NUR3302	ThS. Đào Thị Phượng	2	20	Sáng T2 → T6	BV Đa khoa HD

Lớp 02ĐH18Đ.D- SS 122

Phần lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	Tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
PPNCKH 2	NUR3206	TS Lê Văn Thêm	2	4	3	Tiết 5-8 Tuần 1-8	401
CSSK cao tuổi- TT	NUR3201	ThS Bùi Thị Loan ThS Phạm Thị Hạnh	2	4	3	Tiết 5-8 Tuần 9-15	401
CSSK trẻ SS	NUR4305	ThS Nguyễn Thị Nga (Đ.D)	1	2	6	Tiết 5-6 Tuần 1-8	401

Phần thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
--------	------------	-------	---------------	-----	----	-----------	-----------

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

TH – CSSK trẻ SS	ThS Đào Thị Phượng	1	4	5	1	Tiết 5-8	PTH
	ThS. Nguyễn Thị Nga			Tuần LỄ	2	Tiết 5-8	
	ThS Đào Thị Phượng			4	3	Tiết 5-8	
	ThS. Nguyễn Thị Nga			Tuần chẵn	4	Tiết 5-8	
	ThS Đào Thị Phượng			4	5	Tiết 5-8	
	ThS. Nguyễn Thị Nga			tuần lẻ	6	Tiết 5-8	

Phản Lâm sàng

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
LS Nội -ngoại 2	NUR3301	ThS. Bùi Thị Loan	4	20	Sáng T2 → T6	BV Đa khoa HD, BV trường ĐHKTYTHD
LS CSTC	NUR3302	ThS. Bùi Thị Loan	2	20	Sáng T2 → T6	BV Đa khoa HD

BỘ MÔN RĂNG HÀM MẶT

Lớp: 01ĐH18NHA

Phản lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
Vật liệu nha khoa	DEL2103	ThS Hà Thị Chính	1	4	2	Tiết 5-8 Tuần 1-4	404
PPNCKH 2	NUR3206	TS Lê Văn Thêm	2	2	2	Tiết 5-8 Tuần 9-15	307
Nha cơ sở	DEL2101	ThS Đào Thị Phương Dung	2	4	5	Tiết 5-8	404

Phản thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
TH VLNK	Ths Nguyễn Thị Chính ThS Hà Thị Chính	2	4	4	1,2	Tiết 5-8	PTH- Nha
TH Nha cơ sở	Ths Nguyễn Thị Chính ThS Hà Thị Chính	2	4	6	1,2	Tiết 5-8	PTH- Nha

Phản Lâm sàng

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
LS trẻ em			3	20	Sáng T2 → T6	
LS nội- ngoại- truyền nhiễm			3	20	Sáng T2 → T6	

BỘ MÔN GÂY MÊ HỒI SỨC

Lớp: 01ĐH18GM

Phần lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
PPNCKH 2	NUR3206	TS Lê Văn Thêm	2	2	2	Tiết 5-8 Tuần 9-15	307
GPSL GMHS	NAE2105	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	1	4	3	Tiết 5-8 Tuần 1-4	307
Dược GM	NAE2102	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	3	2	2	Tiết 5-8 Tuần 1-8	307
					5	Tiết 5-8 Tuần 5-8	
KTLS GMHS	NAE2204	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	2	4	4,6	Tiết 5-8 Tuần 1-4	306

Phần thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
TH KTLS GMHS	ThS. Vũ Thị Hân-1 BS. Lương Thị Ngọc- 2 CN Trần Văn Cương- 3	3	4	4,3	1,2,3	Tiết 5-8 Tuần 5-15	TTHLKNLS
				6	1,2,3	Tiết 5-8 Tuần 5-15	TTHLKNLS

Phần Lâm sàng

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
LS CS trẻ em	NUR3305	ThS. Vũ Thị Hân	3	20	Sáng T2 → T6	BV Nhi
LS CS TN	NUR3306	ThS. Vũ Thị Hân	2	20	Sáng T2 → T6	BV tỉnh

BỘ MÔN SẢN PHỤ KHOA

Lớp: 01ĐH18SPK- 19 sinh viên

Phần lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
GPSLLQQT N CD & SĐ	NMW2101	ThS. Nguyễn Thị Hằng	1	4	2	Tiết 5-8 Tuần 1-8	306
PPNCKH 2	NUR3206	TS Lê Văn Thêm	2	2	2	Tiết 5-8 Tuần 9-15	307
CSSK trẻ SS- dưới 5 tuổi	NMW2204	ThS Trần Thị Thu Hường	2	2	3	Tiết 5-6	303
Dinh dưỡng- tiết chế	BIOL2104	TS Trương Thị Thư	2	4	4	Tiết 5-8 Tuần 1-8	406
CS SK SS&TN	NMW 2201	ThS Lê Quang Trung	2	4	5 Tuần 1-8	Tiết 5-8	305

Phân thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
THGPSLLQQT TN CD & SĐ	ThS. Nguyễn Thị Hằng ThS Hà Thị Thanh Loan	1	4	4 Tuần 9-15	1	Tiết 5-8	TTHLKNLS
TH- CSSK trẻ SS- dưới 5 tuổi	ThS Trần Thanh Hường ThS Hà Thị Thanh Loan	1	4	5 Tuần 9-15	1	Tiết 5-8	TTHLKNLS
TH CS SK SS&TN	ThS. Nguyễn Thị Hằng ThS Hà Thị Thanh Loan	2	4	6	1	Tiết 5-8	TTHLKNLS

Phản Lâm sàng

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
LS CS trẻ em	NUR3305	ThS Hà Thị Thanh Loan	3	20	Sáng T2 → T6	BV Nhi
LS CS tích cực		ThS Hà Thị Thanh Loan	2	20	Sáng T2 → T6	BV tỉnh, BV7
LS CS truyền nhiễm	NUR3306	ThS Hà Thị Thanh Loan	2	20	Sáng T2 → T6	BV tỉnh, BV7

KHOA XÉT NGHIỆM

01ĐH18XN- SĨ SỐ 110

Phân lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
Tế bào mô bệnh học	MLT3205	ThS Phạm Minh Sơn ThS Nguyễn Thị Thu Hiền	3	4	2	Tiết 5-7	306
Huyết học 3	MLT3202	NCS Ngô Thị Thảo	2	4	3	Tiết 5-8 Tuần lẻ	407
Hóa sinh 3 (HS Miễn dịch)	MLT3201	ThS Ngô Quỳnh Diệp	1	4	3	Tiết 5-8 Tuần chẵn	407
Vi Sinh 3 (VS MD- LS)	MLT3203	T.S Trần Quang Cảnh	1	4	5	Tiết 1-4 Tuần 1-4	407
Tổ chức QLYT -CTYTQG	SOC2105	ThS Nguyễn Huy Hoàng	2	4	6	Tiết 1-4 Tuần 9-15	407

Phân thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
TH vi sinh 3	Nguyễn Thị Hồng NhungB (tổ 1,3,5) Hoàng Thị Hằng (tổ 2,4,6,7)	2	4	4	1,2	Tiết 1-4	TH VS1
				3	5,6	Tiết 1-4	TH VS2
				4	3,4	Tiết 5-8	TH VS1
				5	7	Tiết 5-8	TH VS2
TH HH3	Nguyễn Thị Hồng Quyên (tổ 1,7) Nguyễn Thị Huyền (tổ 2,4,6) Phạm Minh Tuệ (tổ 3,5)	1	4	4	7	Tiết 1-4	TH HH
				Học các tuần 2,4,6,8,10,12,14,15			
				5	1,2	Tiết 5-8	TH HH
				Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13,15			
				5	3,4	Tiết 5-8	TH HH
				Học các tuần 2,4,6,8,10,12,14,15			
				6	5,6	Tiết 5-8	TH HH
					Học các tuần 2,4,6,8,10,12,14,15		
TH Hóa sinh 3		1	4	4	7	Tiết 1-4	TH HH

	Phạm Thị Thủy- tổ 1,3,5,7 ThS Nguy Đình Hoàn- tổ 2,4,6,8,10			Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13,15			
				5	1,2	Tiết 5-8	TH HH
				Học các tuần 2,4,6,8,10,12,14,15			
				5	3,4	Tiết 5-8	TH HH
				Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13,15			
				6	5,6	Tiết 5-8	TH HH
					Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13,15		
TH Tế bào mô bệnh học	ThS Phùng Thế Khang- 1,3,5,7 CN Nguyễn Khắc Tú- 2,4,6	1	4	4	7	Tiết 5-8	PTH
					5,6	Tiết 1-4	PTH
					Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13,15		
				3	1,3	Tiết 1-4	PTH
					Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13,15		
					2,4	Tiết 1-4	PTH
					Học các tuần 2,4,6,8,10,12,14,15		

KHOA KỸ THUẬT HÌNH ẢNH

01ĐH18KTHA- Sĩ số 110

Phần lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
XQ. Tiêu hóa	RAD2205	ThS Nguyễn Văn Thắng	2	4	2	Tiết 5-6	405
XQ. SD-TN	RAD3201	ThS Nguyễn Văn Thắng	2	4	2	Tiết 7-8	405
PPNCKH1	SOC3101	TS Lê Đức Thuận	2	4	5	Tiết 5-8 Tuần 1-8	405
KT cắt lớp VT	RAD3203	PGS.TS Trần Văn Việt	2	2	6	Tiết 9-10	405

Phần Thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
KT cắt lớp VT	CN Nguyễn Văn Đô	2	4	2	1	Tiết 9-12	Phòng CLVT- BV Tr
	CN Bùi Xuân Phúc			2	2	Tiết 9-12	Phòng CLVT- BV Tr

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

	ThS Nguyễn Tuấn Anh			4	3	Tiết 9-12	Phòng CLVT- BV Tr
	ThS Phạm Hữu Thiên			4	4	Tiết 9-12	Phòng CLVT- BV Tr
	CN Bùi Xuân Phúc			6	5	Tiết 9-12	Phòng CLVT- BV Tr
	CN Nguyễn Văn Đô			6	6	Tiết 9-12	Phòng CLVT- BV Tr
XQ. Tiêu hóa	ThS Phạm Hữu Thiên - 1 CN Lê Xuân Nguyên-2 ThS Nguyễn Tuấn Anh - 3 ThS Nguyễn Hải Niên-4 CN Nguyễn Văn Đô -5 CN Bùi Xuân Phúc -6	2	4	3	1	Tiết 5-8	TH XQ 1
					2	Tiết 5-8	TH XQ 2
					3	Tiết 5-8	TH XQ 3
					4	Tiết 5-8	TH XQ 4
					5	Tiết 9-12	TH XQ 2
					6	Tiết 9-12	TH XQ 3
XQ. SD- TN	ThS Phạm Hữu Thiên - 1, 6 CN Lê Xuân Nguyên - 2,6 ThS Nguyễn Hải Niên - 3 ThS Nguyễn Tuấn Anh - 4,5	2	4	4	1	Tiết 5-8	TH XQ 1
					2	Tiết 5-8	TH XQ 2
					3	Tiết 5-8	TH XQ 3
					4	Tiết 5-8	TH XQ 4
				6	5	Tiết 5-8	TH XQ 2
					6	Tiết 5-8	TH XQ 3

Phân Lâm sàng

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
LS KTHA1	RAD3301	ThS Nguyễn Hải Niên	4	10	Sáng T2 → T6	07 Bv khu vực TPHD
LS KTHA2	RAD3302	ThS Nguyễn Hải Niên	4	10	Sáng T2 → T6	07 Bv khu vực TPHD

KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Lớp: 01ĐH18VLTL –SĨ SỐ 80- Phần lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
TCYT - CTYTQG	SOC2105	ThS Nguyễn Huy Hoàng	2	4	6	Tiết 5-8 tuần 1-8	407
VLTL hệ CX2	PT3201	TS. Đinh Thị Hoa	1	2	3	Tiết 5-6 tuần 1-8	405

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Ngôn ngữ trị liệu	PT3202	TS. Đinh Thị Hoa	1	2	3	Tiết 7-8 tuần 1-8	405
SK- NCSK	SOC2108	Mạc Thị Thảo	2	4	5	Tiết 5-8 Tuần 9-15	405
PP NCKH1	SOC3201	TS Lê Văn Thêm	2	4	5	Tiết 5-8 Tuần 1-8	405
Hoạt động trị liệu 1	PT4303	TS Phạm Thị Cẩm Hưng	1	4	7	Tiết 1-4 Tuần 1-4	405

Phân thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
TH VLTL CX2	THs. Nguyễn Minh Ngọc- 1 Ths Lê Kim Phượng- 2 CN. Phạm Thị Thủy- 3 CN Đặng Thị Thúy Hằng- 4	2	4	4	1	Tiết 5-8 Tuần lẻ	TH VL 1
					2	Tiết 5-8 Tuần chẵn	TH VL 2
					3	Tiết 5-8 Tuần lẻ	TH VL 3
					4	Tiết 5-8 Tuần chẵn	TH VL 4
TH Ngôn ngữ trị liệu	TS. Đinh Thị Hoa	1	4	2	1	Tiết 9-12 Tuần chẵn	TH VL 1
					2	Tiết 9-12 Tuần lẻ	TH VL 2
				3	3	Tiết 5-8 Tuần 9-15	TH VL 3
					4	Tiết 5-8 Tuần 9-15	TH VL 4
TH HĐTL1	CN Nguyễn Khắc Tuân- 1 CN Vũ Thị Loan- 2 CN Nguyễn Thị Tuyệt Ngân- 3 BS Lê Thị Hà- 4	2	4	CN	1	Tiết 1-4	TH VL 1
					2	Tiết 1-4	TH VL 2
					3	Tiết 1-4	TH VL 3
					4	Tiết 1-4	TH VL 4

Phân Lâm sàng

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
LS VLTL 2	PT3301	Ths Lê Kim Phượng	3	20	Sáng T2 → T6	Các viện ở HD

KHỐI SINH VIÊN NĂM THỨ 4

KHOA ĐIỀU DƯỠNG

LỚP 01ĐH17Đ.D-SS 113- học tuần 9-15

Phân lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tiết	Phòng học
Quản lí điều dưỡng	NUR3204	TS. Đỗ T Thu Hiền	2	4	2	5-8	407
CSSK cho PHCN	NUR3308	ThS Đinh Thị Hoa	1	4	4	5-8 Tuần 9-12	309
Y học cổ truyền	PT3204	ThS Nguyễn Thị Hòa	1	4	4	5-8 Tuần 13-16	309
HỌC CÁC TUẦN TỪ 9-15							

Phân thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
TH – CSSK cho PHCN	CN. Phạm Thị Thủy	1	4	3	1	Tiết 5-8	TH_ PHCN 1
	BS Lê Thị Hà				2	Tiết 5-8	TH_ PHCN 2
	CN Nguyễn T Thu Tươi				3	Tiết 5-8	TH_ PHCN 3
	CN. Phạm Thị Thủy			5	4	Tiết 5-8	TH_ PHCN 4
	BS Lê Thị Hà				5	Tiết 5-8	TH_ PHCN 5
	CN Nguyễn T Thu Tươi				6	Tiết 5-8	TH_ PHCN 6
Y học cổ truyền	ThS Nguyễn Thị Hòa	1	4	5	1	Tiết 5-8	TH_YHCT
	BS. Nghiêm Thị Thu Thủy				2	Tiết 9-12	TH_YHCT
	BS Đỗ Thị Huyền				3	Tiết 9-12	TH_YHCT
	ThS Nguyễn Thị Hòa			3	4	Tiết 9-12	TH_YHCT
	BS. Nghiêm Thị Thu Thủy				5	Tiết 9-12	TH_YHCT
	BS Đỗ Thị Huyền				6	Tiết 5-8	TH_YHCT
HỌC CÁC TUẦN TỪ 9-15							

Phân Lâm sàng

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
LS Nội - ngoại 3	NUR4301	Ths. Phạm Thị Hạnh	4	20	Sáng T2 → T6	BV Đa khoa HD, BV trường ĐHKTYTHD
LS NT- lao- DL - TK	NUR4308	Ths. Phạm Thị Hạnh	4	20	Sáng T2 → T6	BV Đa khoa HD, BV phổi HD
TT Cộng đồng	NUR4307	Ths. Phạm Thị Hạnh	2	40	Cả ngày T2 – > T6	1 số BV huyện trong HD

BỘ MÔN NHA

Lớp 01ĐH17NHA- sĩ số 41

Phản lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
Điều dưỡng RHM	DEL2205	ThS Vũ Đình Tuyên	2	2	5	Tiết 5-8 Tuần 1-8	406
CSSK NCT_TT	NUR3201	ThS. Phạm Thị Hạnh ThS. Bùi Thị Loan	2	4	2	Tiết 5-8 Tuần 1-8	406
Dinh dưỡng- tiết chế	BIOL2104	TS Trương Thị Thu	2	4	4	Tiết 5-8 Tuần 1-8	406
Cấp cứu RHM	DEL3203	ThS Nguyễn Thị Mai	2	4	4	Tiết 5-8 Tuần 9-15	406
Quản lí Đ.D	NUR3204	ThS Đoàn Thị Phụng	2	4	6	Tiết 5-8 Tuần 1-8	406

Phản thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
TH – Điều dưỡng RHM	ThS Hà Thị Chinh Ths Nguyễn Thị Chinh	2	4	2,5	1,2	Tiết 5-8 Tuần 9-15	PTH- Nha

Phản Lâm sàng

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
Ls NHA 2	DEL4304	ThS Nguyễn Thị Chinh	4	20	Sáng t2-t6	
LS NHA 3	DEL4305	ThS Nguyễn Thị Chinh	4	20	Sáng t2-t6	

BỘ MÔN GÂY MÊ

Lớp 01ĐH17GM- sĩ số 38

Phản lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
CS BN hồi sức sau PT	NAE3207	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	1	4	2	Tiết 5-8 Tuần 9-12	308
Quản lí đau bệnh nhân sau PT	NAE4308	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	1	4	3	Tiết 5-8 Tuần 9-12	308
Dinh dưỡng- tiết chế	BIOL2104	TS Trương Thị Thu	2	4	4	Tiết 5-8 Tuần 1-8	406
Quản lí Đ.D	NUR3204	ThS Đoàn Thị Phụng	2	4	6	Tiết 5-8 Tuần 1-8	406

Phần Lâm sàng

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
LS GMHS 2	NAE3302	TS Thu, ThS Thành, BS Ngọc, CN Cương	4	20	Sáng T2 → T6	BV tỉnh, sản
LS GMHS3	NAE4308	TS Thu, ThS Thành, BS Ngọc, CN Cương	3	20	Sáng T2 → T6	BV tỉnh, sản

BỘ MÔN SẢN PHỤ KHOA

Lớp 01ĐH17SPK- sĩ số 23

Phần lý thuyết – tuần 1-8

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ tuần	Thứ	Thời gian	Phòng học
Vô sinh	NMW3305	ThS Trần Thị Thu Hường	2	4	2	Tiết 5-8	410
CS sản phụ khoa NC	NMW3201	ThS Hà Thị Thanh Loan	2	4	3	Tiết 5-8	410
Nam học	NMW 2303	ThS Lê Quang Trung	2	4	4	Tiết 5-8	410
HIV/AIDS và thai nghén	NMW 2302	ThS Nguyễn Thị Hằng	1	2	5	Tiết 5-8	410
Quản lý Đ.D	NUR3204	ThS Đoàn Thị Phượng	2	4	6	Tiết 5-8 Tuần 1-8	406

Phần Lâm sàng tuần 9-15

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
Thực tập cộng đồng	NMW 3304	ThS Nguyễn Thị Hằng	2	20	Cả ngày T2 → T6	BV tỉnh, sản
LSPK3	NMW 3303	ThS Nguyễn Thị Hằng	3	20	Sáng T2 → T6	BV tỉnh, sản

KHOA XÉT NGHIỆM

Lớp 01, 02ĐH17XN – sĩ số 125

Phần lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/ w	Thứ	Thời gian	Phòng học
Chống NKBV	MLT4203	TS Trần Quang Cảnh	1	4	3	Tiết 5-8 Tuần 1-4	209
Quản lý CLXN	MLT4206	TS Ngô Thị Thảo	2	4	3	Tiết 5-8 Tuần 5-15	209

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

PPNCKH2	MLT3206	TS Lê Văn Thêm	2	4	4	Tiết 5-8 Tuần 1-8	209
DTH- TN	SOC2103	ThS Ngô Bá Hưng	2	4	4	Tiết 5-8 Tuần 9-15	209

Phần thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/w	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
TH Quản lý CLXN	NCS Ngô Thị Thảo- 1,3,5,7 ThS Ngụy Đình Hoàn- 2,4,6,8	1	4	2	1	Tiết 5-8	TH - XN
					2	Tiết 5-8	TH - XN
					Học các tuần 2,4,6,8,10,12,14,15		
					3	Tiết 5-8	TH - XN
					4	Tiết 5-8	TH - XN
					Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13, 15		
				5	5,6	Tiết 5-8	TH - XN
					Học các tuần 1,3,5,7,9,11,13, 15		
					7,8	Tiết 5-8	
					Học các tuần 2,4,6,8,10,12,14,15		

Phần Lâm sàng

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
LS XN 2	MLT4301		3	20	Sáng T2 → T6	

KHOA KỸ THUẬT HÌNH ẢNH

Lớp 01, 02 ĐH17KTHA-SĨ SỐ 107

Phần lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/w	Thứ	Thời gian	Phòng học
XQCT	RAD4303	PGS. TS Trần Văn Việt	2	2	2	Tiết 9-10	403
KTSA phần mềm	RAD4306	BS CKI. Phạm T. Thuỷ	1	4	4	5-8 Tuần 1-4	403
KTCHT bụng, cột sống	RAD4307	PGS. TS Trần Văn Việt	1	4	3	Tiết 5-6	403
					Học các tuần từ 1->8		
YHHN & Xạ trị	RAD4304	PGS. TS Trần Văn Việt	1	4	3	Tiết 7-8	403

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

					Học các tuần từ 1->8
--	--	--	--	--	----------------------

Phân Thực hành- tuần 1-8

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/w	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
TH XQCT		1	4	6	1,2,3,4,5 ,6	Tiết 9-12	TH XQ 1
							TH XQ 2
							TH XQ 3
							TH XQ 4
TH KTCHT bụng, cột sống Tuần 1-8		1	4	2	1	Tiết 5-8	CĐHA-BV ĐK
				2	2	Tiết 5-8	CĐHA-BV ĐK
				5	3	Tiết 5-8	CĐHA-BV ĐK
				5	4	Tiết 5-8	CĐHA-BV ĐK
				6	5	Tiết 5-8	CĐHA-BV ĐK
				6	6	Tiết 5-8	CĐHA-BV ĐK
TH KTSA phần mềm Tuần 7-15		1	4	2	1	Tiết 5-8	CĐHA-BV ĐK
				5	2	Tiết 5-8	CĐHA-BV ĐK
				7	3	Tiết 1-4	CĐHA-BV ĐK
				7	4	Tiết 5-8	CĐHA-BV ĐK
				4	5	Tiết 5-8	CĐHA-BV ĐK
				6	6	Tiết 5-8	CĐHA-BV ĐK

Phân Lâm sàng

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
LS KTHA4	RAD4305		5	15	Sáng T2 → T6	07 bệnh viện khu vực TPHD

KHOA VLTL/ PHCN

Lý thuyết

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	Số TC	tiết/w	Thứ	Thời gian	Phòng học
PHCN Thể thao	PT4305	TS. Phạm Thị Cẩm Hưng	1	2	4	Tiết 5-6 tuần 1-8	308

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Vận động trị liệu 2	PT3208	TS. Phạm Thị Cẩm Hưng	1	2	4	Tiết 7-8 tuần 1-8	308
Quản lý PHCN	PT4307	TS. Phạm Thị Cẩm Hưng	1	2	4	Tiết 5-6 tuần 9 - 15	308
Dinh dưỡng- tiết chế	BIOL2104	ThS Nguyễn Thị Mai	2	4	5	Tiết 5-8 Tuần 1-8	308
DTH & TN	SOC2103	ThS Ngô Bá Hưng	2	2	5	Tiết 5-8 Tuần 9-15	308

Phân thực hành

Tên HP	Giảng viên	Số TC	tiết/w	Thứ	Tổ	Thời gian	Phòng học
PHCN	CN. Lê Kim Phượng	1	4	2	1	Tiết 5-8 Tuần lẻ	TH VL 1
	CN. Phạm Thị Thủy				2	Tiết 5-8 Tuần chẵn	TH VL 1
	CN. Lê Kim Phượng				3	Tiết 5-8 Tuần lẻ	TH VL 2
	CN. Phạm Thị Thủy				4	Tiết 5-8 Tuần chẵn	TH VL 2
TH- vận động trị liệu 2		2	4	3	1	Tiết 5-8	TH VL 1
	CN. Lê Kim Phượng			3	2	Tiết 5-8	TH VL 2
	Ths. Nguyễn Minh Ngọc			3	3	Tiết 5-8	TH VL 3
	CN. Đặng T Thúy Hằng			3	4	Tiết 5-8	TH VL 4
	CN. Lê Kim Phượng			7	1	Tiết 5-8	TH VL 1
	Ths. Nguyễn Minh Ngọc			7	2	Tiết 5-8	TH VL 2
	CN. Đặng T Thúy Hằng			7	3	Tiết 5-8	TH VL 3
				7	4	Tiết 5-8	TH VL 4

Phân Lâm sàng

Tên HP	Mã môn	Giảng viên	TC	tiết/ tuần	Thời gian	Địa điểm
LS VLTL4	PT4306	Nguyễn Minh Ngọc	5	20	Sáng T2 → T6	

* Sinh viên khối Y đa khoa có lịch học theo tuần theo lịch mời giảng (ThS Nguyễn Thị Mai- phòng Quản lý đào tạo phụ trách)

Hải Dương, ngày 11/09/2020

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TS. LÊ ĐỨC THUẬN

